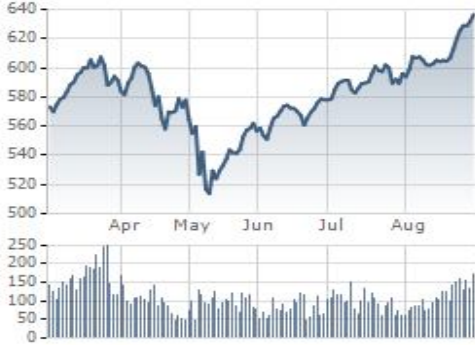


HOSE 03/09/2014

VNINDEX	640.75	4.10	0.64%
KLGD	204,659,770	CP	
GTGD	3,575.48	Tỷ	
GTR NDTNN	34.29	Tỷ	

CP Tăng giá	156	CP
CP Giảm giá	73	CP
CP Đứng giá	75	CP



Tâm điểm

- ▶ **Dòng tiền hướng nhiều sang nhóm cổ phiếu có vốn hóa vừa và nhỏ**
- ▶ **Thanh khoản thị trường vẫn duy trì ở mức khá cao**
Tổng giá trị giao dịch cả 2 sàn đạt mức khoảng 4,500 tỷ đồng
- ▶ **8 tháng, ngành Hải quan thu ngân sách ước đạt 164,000 tỷ đồng**
Con số này tương đương 73.2% dự toán được Quốc hội giao là 224,000 tỷ đồng
Thời báo Ngân hàng
- ▶ **PMI tháng 8 giảm tháng thứ 4 liên tiếp xuống còn 50.3 điểm**
Số lượng đơn đặt hàng mới giảm lần đầu tiên trong chín tháng
Infonet
- ▶ **Trung Quốc mất đà tăng trưởng do sản xuất tăng chậm**
Chỉ số PMI phức hợp sản xuất của Trung Quốc đạt 51.1 điểm trong tháng 8
Bloomberg
- ▶ **MCG: Bổ sung lãi chênh lệch tỷ giá, lợi nhuận sau soát xét tăng 5 tỷ đồng**
Cùng kỳ 2013, MCG chỉ lãi ròng vốn vện 763 triệu đồng
Infonet/HSX
- ▶ **ITA: Sau soát xét, lãi hợp nhất 6 tháng sụt giảm hơn 7 tỷ đồng**
Lãi ròng sau soát xét của ITA trong nửa đầu năm 2014 chỉ còn 57 tỷ đồng
Vietstock

HNX 03/9/2014

HNXINDEX	87.33	0.29	0.33%
KLGD	85,925,190	CP	
GTGD	1,042.73	Tỷ	
GTR NDTNN	22.71	Tỷ	

CP Tăng giá	147	CP
CP Giảm giá	71	CP
CP Đứng giá	161	CP



VN30 & HNX30 INDEX

VN30	678.90	2.08	0.31%
HNX30	181.52	1.86	1.04%

Thị trường / Ngành

Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,135,026	15.8	3.5	19.9%	10.9%
HNX	141,504	14.3	1.8	9.5%	4.5%
Toàn bộ thị trường	1,276,530	17.4	3.4	19.0%	10.2%

Theo ngành

Ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA	
Nhựa, cao su & sợi	7,439	6.8	0.9	13.7%	9.1%	
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	20,896	9.5	1.6	16.9%	11.5%	
Thép và sản phẩm thép	39,546	17.2	2.2	20.4%	9.4%	
Khai khoáng	12,287	67.3	5.6	0.3%	0.0%	
Vật liệu xây dựng & Nội thất	22,511	15.9	1.5	11.7%	7.8%	
Xây dựng	31,691	44.9	1.2	0.0%	2.1%	
Máy công nghiệp	8,879	9.4	1.4	15.1%	10.2%	
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,672	7.9	1.5	19.7%	14.1%	
Lốp xe	8,377	10.4	3.0	27.6%	11.8%	
Nuôi trồng nông & hải sản	18,772	10.9	1.8	18.4%	6.7%	
Thực phẩm	204,333	24.9	4.9	20.5%	16.1%	
Dược phẩm	15,794	10.9	3.0	24.9%	16.3%	
Phần mềm	20,076	12.5	2.6	21.5%	9.2%	
Sản xuất & phân phối điện	23,838	-	5.7	1.3	-13.5%	0.8%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	241,752	19.8	6.5	33.1%	22.7%	
Bảo hiểm nhân thọ	30,145	24.9	2.6	10.1%	2.1%	
Môi giới chứng khoán	27,641	14.0	1.6	9.6%	6.9%	
Ngân hàng	249,670	11.5	1.3	10.6%	0.9%	
Bất động sản	168,673	17.3	3.0	20.1%	5.0%	
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	51,154	11.5	2.5	22.6%	9.5%	

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

8 tháng, ngành Hải quan thu ngân sách ước đạt 164,000 tỷ đồng

PMI tháng 8 giảm tháng thứ 4 liên tiếp xuống còn 50.3 điểm

Trung Quốc mất đà tăng trưởng do sản xuất tăng chậm

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

MCG: Bổ sung lãi chênh lệch tỷ giá, lợi nhuận sau soát xét tăng 5 tỷ đồng

ITA: Sau soát xét, lãi hợp nhất 6 tháng sụt giảm hơn 7 tỷ đồng

MSN: Được chốt room ngoại ở mức 48.13%

► Tin kinh tế

Theo Tổng cục Hải Quan, trong tháng 8/2014, thu NSNN của toàn ngành Hải quan ước đạt 20,000 tỷ đồng, giảm khoảng 4,526 tỷ đồng so với tháng 7/2014 (tháng 7 thu 24,526 tỷ đồng). Tuy nhiên, lũy kế 8 tháng đầu năm, ước tính số thu NSNN của toàn ngành Hải quan đạt khoảng 164,000 tỷ đồng, bằng 73.2% dự toán được Quốc hội giao là 224,000 tỷ đồng, tăng 14.8% so với cùng kỳ năm 2013. Nguyên nhân do một số mặt hàng nhập khẩu có kim ngạch lớn, thuế suất cao tăng so với cùng kỳ năm 2013, như: Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác tăng 24.5%; xăng dầu tăng 26.7%.

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) phối hợp cùng với công ty Markit Economics công bố Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI) ngành sản xuất tại Việt Nam trong tháng 8/2014. Theo đó, Chỉ số Nhà quản trị Mua hàng (PMI) toàn phần được điều chỉnh theo mùa đã giảm tháng thứ tư liên tiếp, từ mức 51.7 điểm trong tháng 7 xuống còn 50.3 điểm trong tháng 8 cho thấy một mức cải thiện yếu nhất về điều kiện kinh doanh kể từ tháng 11/2013. Tốc độ tăng sản lượng ngành sản xuất tiếp tục chậm lại trong tháng 8 và là chậm nhất trong thời kỳ tăng trưởng kéo dài 11 tháng vừa qua.

Cục Thống kê Trung Quốc cho biết, chỉ số PMI phức hợp sản xuất đạt 51.1 điểm trong tháng 8, thấp hơn so với dự báo 51.2 điểm. Số liệu này đều giảm so với tháng 7 nhưng vẫn duy trì trên ngưỡng suy giảm - tăng trưởng 50 điểm. Lĩnh vực sản xuất tăng trưởng chậm lại càng tạo áp lực lớn lên chính phủ để tăng cường kích thích. Tháng trước, lượng tín dụng mới của Trung Quốc giảm mạnh, thúc đẩy Ngân hàng Trung ương Trung Quốc (PBOC) nới lỏng chính sách hơn nữa để duy trì tăng trưởng.

► Tin doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam (HOSE: MCG) vừa công bố báo cáo hợp nhất bán niên 2014 sau soát xét. Mặc dù không đưa ra ý kiến soát xét, báo cáo của MCG ghi tăng gần 5 tỷ đồng lợi nhuận 6 tháng đầu năm, đạt 33.2 tỷ đồng (dành cho cổ đông công ty mẹ). Cùng kỳ 2013, MCG lãi ròng vốn vện 763 triệu đồng. Tăng trưởng về lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2014 của MCG chủ yếu nhờ giảm đáng kể tỷ trọng giá vốn/doanh thu thuần. Giải trình chênh lệch lợi nhuận, MCG cho biết lợi nhuận của công ty tăng do báo cáo bổ sung vào kết quả kinh doanh phần chênh lệch tỷ giá hối đoái trên Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2014 của CTCP Thủy điện Văn Chấn (đơn vị MCG nắm giữ 50% vốn điều lệ).

CTCP Đầu Tư Công Nghiệp Tân Tạo (HOSE: ITA) công bố BCTC hợp nhất bán niên 2014 với lãi ròng gần 57 tỷ đồng, giảm hơn 7 tỷ đồng so với báo cáo trước soát xét. Theo đó, doanh thu thuần 6 tháng đầu năm 2014 sau soát xét của ITA đạt hơn 152 tỷ đồng, giảm nhẹ 6% so với trước soát xét, chủ yếu là do giảm doanh thu bán đất ở khu công nghiệp và doanh thu cho thuê nhà xưởng, kho bãi. Bên cạnh đó, doanh thu tài chính của ITA cũng giảm mạnh 40% sau soát xét nguyên nhân là không còn được hoàn nhập dự phòng hơn 8 tỷ đồng như trong báo cáo trước đó. Từ những nguyên nhân đó, lãi ròng sau soát xét của ITA trong nửa đầu năm 2014 sụt giảm hơn 7 tỷ đồng khi chỉ còn 57 tỷ đồng. Ngoài ra, sau soát xét, giá trị hàng tồn kho của ITA tăng thêm gần 200 tỷ đồng, lên mức 3,707 tỷ đồng.

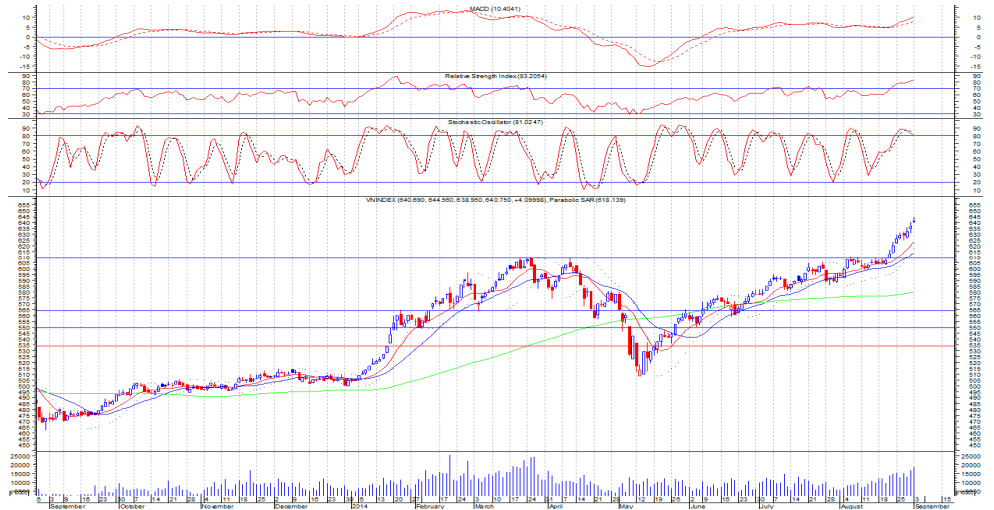
Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (HOSE: MSN) vừa công bố điều chỉnh tỷ lệ Room. Dựa trên kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ của MSN, UBCKNN đồng ý chốt tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài của MSN là 48.13% vốn điều lệ của công ty. Masan phải báo cáo UBCKNN sau khi kết thúc các đợt phát hành lần 2 theo phương án đã đăng ký và phải tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài.

HOSE 03/09/2014 VNINDEX 640.75 4.10 0.64% 204,659,770 CP 3,575.48 bil VND

Đóng tiền hướng nhiều sang nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ

VN-Index tăng 4,10 điểm (+0.64%), đóng cửa tại mức 640,75 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân nến ngắn, cây nến gần giống với nến Doji thể hiện sự giằng co của thị trường dù VN-Index vẫn tiếp tục tăng điểm.

- MACD tiếp tục gia tăng khá mạnh nó cho thấy đà tăng của VN-Index vẫn rất tốt.
- Stochastic Oscillator sau khi cho tín hiệu bán tiếp tục sụt giảm.
- MA10, MA20 gia tăng tích cực, đây là tín hiệu cho thấy đà tăng của VN-Index vẫn tiếp diễn.
- RSI (14) tăng tích cực lên mức 83.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0.6 (4.8%)	21,329,190
ITA	0.1 (1.1%)	12,548,110
OGC	0.7 (5.9%)	8,702,000
HQC	0.4 (4.8%)	7,525,520
IJC	0.5 (3.3%)	4,547,250

HOSE Top 5 theo % tăng

AAM	1 (7.0%)	11,340
MHC	1 (7.0%)	277,640
FMC	1.8 (6.9%)	139,840
NVN	0.2 (6.9%)	21,410
QCG	0.6 (6.9%)	343,550

HOSE Top 5 theo % giảm

COM	-2.6 (-7.0%)	470
SCD	-1.8 (-6.8%)	3,610
GTA	-0.7 (-5.7%)	5,390
HVX	-0.3 (-5.5%)	10
HAX	-0.4 (-5.1%)	20

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

FLC	32,3 tỷ	2,482,200
PVD	20,3 tỷ	209,080
HPG	20,1 tỷ	340,860
GAS	19,1 tỷ	152,920
DPM	15,9 tỷ	474,130

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

VIC	-194,1 tỷ	3,392,400
KDC	-8,6 tỷ	114,640
HSG	-6,1 tỷ	134,270
KBC	-5,8 tỷ	386,140
MSN	-3,2 tỷ	37,560

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	6,565,630	34.29

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT tiếp tục giữ được sự tích cực, đà tăng lan rộng, nhiều CP tăng trần đặc biệt là nhóm có vốn hóa vừa và nhỏ. Đà tăng của VN-Index bị thu hẹp lúc đóng cửa.
- ▶ KLGD gia tăng mạnh và đạt 188 triệu đơn vị. Thanh khoản ở mức cao, nó cho thấy tâm lý nhà đầu tư vẫn đang khá hưng phấn.
- ▶ Khối ngoại mua ròng rất mạnh ở phiên hôm nay với giá trị 34,29 tỷ. Lượng mua ròng tập trung nhiều ở FLC, PVD, HPG. Bán nhiều ở VIC.
- ▶ VN-Index vẫn đang giữ xu hướng tăng điểm tốt, tuy nhiên áp lực chốt lời sẽ xuất hiện khá mạnh ở những phiên tới. Dòng tiền sẽ xoay vòng giữa các nhóm cổ phiếu.
- ▶ NĐT có thể tiếp tục nắm giữ cổ phiếu, cân nhắc chốt lời phần danh mục đã mang tới lợi nhuận. Tận dụng nhịp điều chỉnh để cơ cấu lại danh mục đầu tư.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	125.0	236,875.00	20.3	6.7	33.6%	23.2%
VNM	1,000.1	112.0	112,013.28	18.1	6.0	34.1%	27.1%
VIC	1,382.4	58.0	80,177.61	17.1	4.6	27.6%	6.2%
VCB	2,665.0	28.3	75,420.08	16.2	1.7	10.6%	1.0%
MSN	735.8	85.0	62,543.69	-1,538.0	4.4	-0.3%	-0.1%
CTG	3,723.4	15.2	56,595.75	9.5	1.0	10.7%	1.0%
BID	2,811.2	14.7	41,324.68	10.4	1.3	12.4%	0.7%
BVH	680.5	46.3	31,505.83	24.9	2.6	10.1%	2.1%
PVD	303.0	96.0	29,091.98	12.7	2.7	22.7%	10.7%
HPG	481.9	59.5	28,673.54	10.0	2.6	28.3%	12.8%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

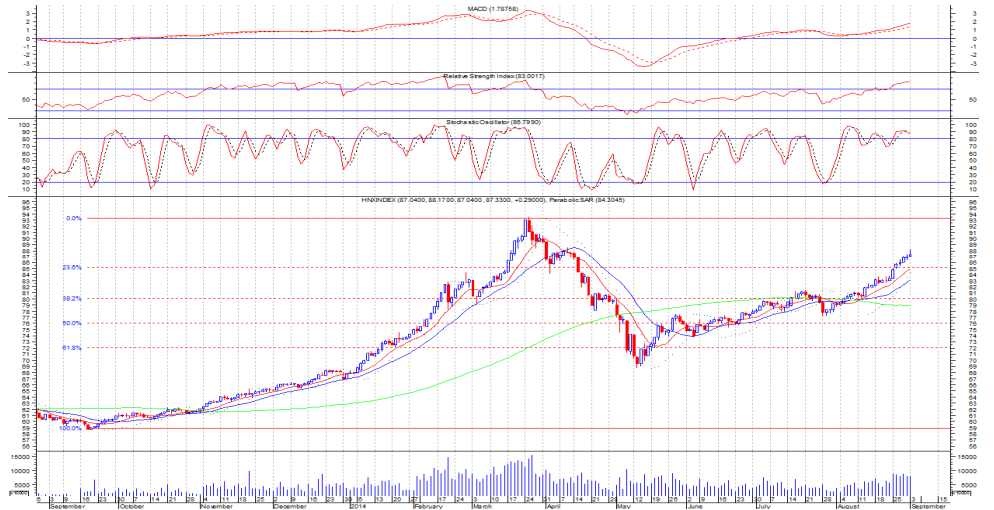
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	17.0	4,349.58	20.2	1.5	NA	TH.DOI
FPT	343.9	57.0	19,601.97	12.4	2.6	NA	TH.DOI
CII	115.5	22.4	2,587.80	8.5	1.6	NA	TH.DOI
BMP	45.5	71.5	3,251.71	8.9	2.1	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.5	698.63	4.8	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	24.5	676.44	2.8	1.1	NA	TH.DOI

HNX 03/09/2014 HNX-Index 87.33 0.29 0.33% 85,925,190 CP 1,042.73 bil. VND

Đóng tiền hướng nhiều sang nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ

Chỉ số HNX-Index tăng 0.29 điểm (+0.33%), đóng cửa tại mốc 87.33 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh với thân ngắn, HNX-Index tiếp tục tăng điểm khá tốt và đang hướng tới vùng đỉnh mới.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator sau khi cho tín hiệu bán tiếp tục sụt giảm.
- MACD tiếp tục gia tăng mạnh.
- RSI (14) tăng tích cực và ở mức 83.
- MA10 và MA20 vẫn đang gia tăng tốt, điều này cho thấy xu hướng tăng điểm của HNX-Index vẫn đang được giữ vững.



HNX Top 5 theo KLGD

PVX	0 (0.0%)	10,502,300
SHB	0.2 (2.1%)	9,449,940
SCR	0 (0.0%)	5,344,410
SHS	0.4 (3.9%)	4,137,100
KLS	0.2 (1.6%)	3,646,710

HNX Top 5 theo % tăng

DNY	0.6 (10.0%)	27,900
PCG	0.8 (10.0%)	33,700
TPH	0.7 (10.0%)	100
VCS	3.1 (10.0%)	221,740
WCS	12 (10.0%)	6,900

HNX Top 5 theo % giảm

CCM	-1.6 (-9.8%)	100
CAN	-3 (-9.7%)	100
HHG	-0.6 (-9.5%)	125,000
TET	-1.3 (-9.4%)	400
ECI	-1.9 (-9.3%)	200

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PGS	8,8 tỷ	222,400
PVS	7,9 tỷ	197,000
VND	7,4 tỷ	422,600
BCC	1,1 tỷ	120,000
DBC	0,6 tỷ	23,000

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

PVC	-3,5 tỷ	105,200
LAS	-0,9 tỷ	24,700
VTV	-0,7 tỷ	39,500
KLF	-0,4 tỷ	30,500
CTS	-0,3 tỷ	29,300

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	905,159	22.71

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT tiếp tục giữ được sự tích cực, đà tăng lan rộng, nhiều CP tăng trần đặc biệt là nhóm có vốn hóa vừa và nhỏ. Đà tăng của HNX-Index bị thu hẹp lúc đóng cửa.
- ▶ KLGD gia tăng mạnh và đạt 81 triệu đơn vị. Thanh khoản ở mức cao, nó cho thấy tâm lý nhà đầu tư vẫn đang khá hưng phấn.
- ▶ Khối ngoại mua ròng với giá trị 22,71 tỷ. Khối này bán mạnh ở PVC. Trong khi mua nhiều ở PGS, PVS.
- ▶ HNX-Index đang có xu hướng tăng điểm khá tốt, tuy nhiên áp lực chốt lời sẽ xuất hiện khá mạnh ở những phiên tới. Dòng tiền sẽ xoay vòng giữa các nhóm cổ phiếu.
- ▶ NĐT có thể tiếp tục nắm giữ cổ phiếu, cân nhắc chốt lời phần danh mục đã mang tới lợi nhuận. Tận dụng nhịp điều chỉnh để cơ cấu lại danh mục đầu tư.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
PVS	446.7	39.5	17,644.67	10.2	2.2	21.7%	7.1%
ACB	909.8	15.4	14,010.62	20.9	1.2	5.4%	0.4%
SHB	886.1	9.7	8,595.01	9.9	0.8	8.2%	0.7%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	152.4	7.4	-4.4%	-3.4%
VCG	441.7	15.1	6,669.83	11.4	1.2	10.2%	2.4%
OCH	200.0	25.7	5,140.00	84.7	2.6	2.8%	1.5%
PVI	225.2	18.8	4,232.97	14.7	0.7	4.7%	1.9%
LAS	77.8	36.0	2,801.95	7.3	1.9	27.5%	15.2%
VNR	131.1	21.0	2,752.59	8.8	1.1	12.7%	5.7%
NTP	56.3	46.0	2,591.61	6.9	2.0	22.9%	15.2%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	38.5	1,463.00	9.3	1.6	NA	TH.DOI
AAA	39.6	16.9	669.24	6.1	0.9	NA	TH.DOI
VND	100.0	17.5	1,749.98	15.9	1.4	NA	TH.DOI
NTP	56.3	46.0	2,591.61	6.9	2.0	NA	TH.DOI
PVC	50.0	32.7	1,635.00	9.9	1.9	NA	TH.DOI
DXP	7.9	41.0	322.87	6.5	1.5	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	62,543.69	13.73%	85.0	#####	4.37	322,608	367,579	224,176
VIC	HOSE	1,382.4	80,177.61	13.68%	58.0	17.13	4.61	1,683,233	1,555,005	776,975
HPG	HOSE	481.9	28,673.54	13.62%	59.5	9.98	2.63	1,213,422	923,385	873,312
PVD	HOSE	303.0	29,091.98	9.64%	96.0	12.72	2.69	346,086	351,535	355,879
HAG	HOSE	790.0	19,749.25	8.07%	25.0	16.92	1.45	4,002,458	3,202,451	2,730,809
STB	HOSE	1,142.5	22,278.98	7.65%	19.5	8.04	1.30	275,649	277,603	1,088,627
VCB	HOSE	2,665.0	75,420.08	6.07%	28.3	16.23	1.68	772,962	501,197	436,665
DPM	HOSE	379.9	12,613.82	5.32%	33.2	9.96	1.41	1,923,775	1,402,271	1,049,303
ITA	HOSE	718.9	6,685.82	3.07%	9.3	65.82	0.84	9,796,479	6,671,889	5,428,646
BVH	HOSE	680.5	31,505.83	2.45%	46.3	24.89	2.59	141,385	140,023	169,541
KBC	HOSE	389.8	5,651.52	2.33%	14.5	24.40	1.09	2,588,586	1,905,093	1,433,120
HSG	HOSE	96.3	4,334.09	2.28%	45.0	13.47	1.85	258,793	177,749	135,401
GMD	HOSE	116.1	4,029.99	1.97%	34.7	6.99	0.84	450,219	366,447	223,888
VSH	HOSE	206.2	3,217.36	1.58%	15.6	14.46	1.13	849,838	788,472	596,970
PPC	HOSE	318.2	7,349.37	1.47%	23.1	13.89	1.39	720,481	680,166	516,157
CSM	HOSE	67.3	3,115.62	1.45%	46.3	8.57	2.58	300,993	242,421	369,309
DRC	HOSE	83.1	4,776.75	1.34%	57.5	12.86	3.49	242,263	197,444	230,888
HVG	HOSE	132.0	3,141.60	1.24%	23.8	25.01	1.26	684,973	853,972	694,307
PVT	HOSE	255.9	4,349.58	1.16%	17.0	20.15	1.50	2,126,874	2,130,374	1,634,655
DIG	HOSE	178.7	2,430.92	1.06%	13.6	70.77	1.01	255,546	276,119	203,866
OGC	HOSE	300.0	3,750.00	0.82%	12.5	52.09	1.10	3,383,034	2,524,438	1,683,681

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
STB	HOSE	1,142.5	22,278.98	7.67%	19.5	8.04	1.30	275,649	277,603	1,088,627
MSN	HOSE	735.8	62,543.69	7.43%	85.0	#####	4.37	322,608	367,579	224,176
VCB	HOSE	2,665.0	75,420.08	7.31%	28.3	16.23	1.68	772,962	501,197	436,665
VIC	HOSE	1,382.4	80,177.61	6.29%	58.0	17.13	4.61	1,683,233	1,555,005	776,975
DPM	HOSE	379.9	12,613.82	5.63%	33.2	9.96	1.41	1,923,775	1,402,271	1,049,303
BVH	HOSE	680.5	31,505.83	5.63%	46.3	24.89	2.59	141,385	140,023	169,541
PVS	HNX	446.7	17,644.67	5.50%	39.5	10.15	2.16	4,162,836	3,584,681	2,801,004
PVD	HOSE	303.0	29,091.98	3.79%	96.0	12.72	2.69	346,086	351,535	355,879
ITA	HOSE	718.9	6,685.82	3.48%	9.3	65.82	0.84	9,796,479	6,671,889	5,428,646
SHB	HNX	886.1	8,595.01	3.36%	9.7	9.85	0.78	5,478,153	3,635,557	5,030,555
HAG	HOSE	790.0	19,749.25	3.27%	25.0	16.92	1.45	4,002,458	3,202,451	2,730,809
VCG	HNX	441.7	6,669.83	3.21%	15.1	11.42	1.15	959,374	721,876	1,010,573
OGC	HOSE	300.0	3,750.00	2.07%	12.5	52.09	1.10	3,383,034	2,524,438	1,683,681
DRC	HOSE	83.1	4,776.75	1.52%	57.5	12.86	3.49	242,263	197,444	230,888
GMD	HOSE	116.1	4,029.99	1.49%	34.7	6.99	0.84	450,219	366,447	223,888
PPC	HOSE	318.2	7,349.37	1.32%	23.1	13.89	1.39	720,481	680,166	516,157
PVT	HOSE	255.9	4,349.58	1.16%	17.0	20.15	1.50	2,126,874	2,130,374	1,634,655
PVX	HNX	400.0	2,280.00	0.00%	5.7	- 1.90	2.63	10,430,176	9,312,177	6,996,381

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,382.4	80,177.61	0.00%	58.0	17.13	4.61	1,683,233	1,555,005	776,975
MSN	HOSE	735.8	62,543.69	0.00%	85.0	#####	4.37	322,608	367,579	224,176
DPM	HOSE	379.9	12,613.82	0.00%	33.2	9.96	1.41	1,923,775	1,402,271	1,049,303
HAG	HOSE	790.0	19,749.25	0.00%	25.0	16.92	1.45	4,002,458	3,202,451	2,730,809
VCB	HOSE	2,665.0	75,420.08	0.00%	28.3	16.23	1.68	772,962	501,197	436,665
STB	HOSE	1,142.5	22,278.98	0.00%	19.5	8.04	1.30	275,649	277,603	1,088,627
BVH	HOSE	680.5	31,505.83	0.00%	46.3	24.89	2.59	141,385	140,023	169,541
CTG	HOSE	3,723.4	56,595.75	0.00%	15.2	9.45	1.03	516,764	370,343	318,593
GAS	HOSE	1,895.0	236,875.00	0.00%	125.0	20.31	6.65	464,468	394,052	326,578

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	62,543.69	0.88%	85.0	#####	4.37	322,608	367,579	224,176
VIC	HOSE	1,382.4	80,177.61	0.56%	58.0	17.13	4.61	1,683,233	1,555,005	776,975
STB	HOSE	1,142.5	22,278.98	0.31%	19.5	8.04	1.30	275,649	277,603	1,088,627
VCB	HOSE	2,665.0	75,420.08	0.24%	28.3	16.23	1.68	772,962	501,197	436,665
DPM	HOSE	379.9	12,613.82	0.15%	33.2	9.96	1.41	1,923,775	1,402,271	1,049,303
BVH	HOSE	680.5	31,505.83	0.08%	46.3	24.89	2.59	141,385	140,023	169,541

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,439	6.8	0.9	13.7%	9.1%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	20,896	9.5	1.6	16.9%	11.5%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,766	21.1	0.9	4.1%	1.7%
Sản xuất giấy	814	7.1	0.9	12.4%	6.5%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	39,546	17.2	2.2	20.4%	9.4%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,847	3.2	0.8	24.5%	5.3%
Khai khoáng	12,287	67.3	5.6	0.3%	0.0%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	22,511	15.9	1.5	11.7%	7.8%
Xây dựng	31,691	44.9	1.2	0.0%	2.1%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,166	8.1	1.2	16.6%	8.5%
Công nghiệp phức hợp	837	6.9	1.6	13.5%	9.6%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,314	6.6	0.9	13.5%	6.0%
Thiết bị điện	1,758	16.9	0.9	0.4%	-0.6%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	42	12.8	0.6	4.4%	3.1%
Máy công nghiệp	8,879	9.4	1.4	15.1%	10.2%
Vận tải					
Vận tải thủy	9,356	3.2	1.2	4.1%	1.0%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,672	7.9	1.5	19.7%	14.1%
Dịch vụ vận tải	6,023	7.7	1.5	18.7%	11.6%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,961	9.9	1.7	14.1%	6.9%
Đào tạo & Việc làm	220	10.2	0.7	7.8%	2.7%
Nhà cung cấp thiết bị	182	8.1	0.8	11.3%	4.8%
Chất thải & Môi trường	178	2.7	0.8	35.5%	16.6%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,091	18.0	1.3	11.9%	6.5%
Lốp xe	8,377	10.4	3.0	27.6%	11.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,568	7.7	1.3	15.8%	8.6%
Vang & Rượu mạnh	305	13.6	2.1	16.0%	10.1%
Đồ uống & giải khát	236	6.8	1.2	14.2%	9.5%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	18,772	10.9	1.8	18.4%	6.7%
Thực phẩm	204,333	24.9	4.9	20.5%	16.1%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	59	14.9	0.7	5.0%	3.8%
Thiết bị gia dụng	2,495	8.4	1.2	14.3%	7.0%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	640	50.5	1.6	2.6%	1.9%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,463	9.2	1.7	18.4%	7.3%
Giày dép	7	1.0	0.4	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	5,097	9.4	1.8	18.0%	9.4%
Thuốc lá					
Thuốc lá	713	8.0	1.1	-1.8%	3.8%

03 September 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	931	14.5	1.0	6.7%	3.9%
Dụng cụ y tế	155	3.2	1.7	38.0%	16.2%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	162	7.4	1.0	13.4%	9.8%
Dược phẩm	15,794	10.9	3.0	24.9%	16.3%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	220	41.4	0.7	1.7%	0.5%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	658	10.1	1.0	12.9%	7.5%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,964	10.9	1.8	16.7%	3.4%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,096	9.6	1.0	10.6%	7.4%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,756	73.9	2.6	2.9%	1.7%
Dịch vụ giải trí	3,500	12.9	1.4	14.4%	12.0%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,381	18.0	2.9	22.7%	19.3%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	65	15.2	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	596	14.3	0.8	5.5%	2.0%
Internet	340	71.7	0.8	1.1%	0.2%
Phần mềm	20,076	12.5	2.6	21.5%	9.2%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	451	15.3	0.8	4.4%	1.7%
Thiết bị văn phòng	282	4.8	1.1	22.4%	17.1%
Thiết bị viễn thông	10,756	27.8	6.1	33.0%	11.2%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	23,838	-	5.7	1.3	-13.5%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	241,752	19.8	6.5	33.1%	22.7%
Nước	1,252	6.7	1.1	16.9%	11.2%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,227	7.1	0.8	11.6%	3.6%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,739	12.1	0.7	6.2%	2.5%
Tái bảo hiểm	2,753	8.8	1.1	12.7%	5.7%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	30,145	24.9	2.6	10.1%	2.1%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,540	52.1	1.1	2.1%	0.6%
Môi giới chứng khoán	27,641	14.0	1.6	9.6%	6.9%
Ngân hàng					
Ngân hàng	249,670	11.5	1.3	10.6%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	168,673	17.3	3.0	20.1%	5.0%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	12	3.1	0.9	34.7%	11.6%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	51,154	11.5	2.5	22.6%	9.5%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.